

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về quyết định chủ trương đầu tư dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn; số 123/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4270/TTr-SGTVT ngày 25/7/2023 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 3727/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/6/2023 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi); của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 156/TTr-BQLDA ngày 13/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn với những nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.
- 4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và giao thương hàng hóa giữa nhân dân hai xã Tam Lư, Tam Thanh và khu vực lân cận, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, trật tự, an ninh khu vực biên giới.

6. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng mới cầu bê tông cốt thép và hệ thống đường dẫn, các công trình an toàn giao thông.

- Phần cầu: Xây dựng cầu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực theo tiêu chuẩn TCVN 11823-2017; tải trọng thiết kế HL93 và người đi bộ 3×10^{-3} Mpa; tần suất thiết kế $P=1\%$; khổ cầu $B=8,0\text{m}$; chiều dài cầu $L=144,7\text{m}$.

- Phần đường: Đầu tư đường kết nối hai đầu cầu đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp A theo TCVN 10380:2014; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$; tần suất thủy văn $P=4\%$ đối với nền đường, cống; tải trọng trục tính toán 10T với đường và H30-XB80 với cống; chiều dài đường 504,22m.

7. Giải pháp thiết kế chủ yếu

7.1. Phần cầu: Xây dựng mới cầu bắc qua sông Lò cách cầu treo Tam Lư về phía hạ lưu khoảng 100m; cầu nằm trên đường thẳng, dốc dọc cầu $i=5\%$; sông không thông thuyền, có xét đến cây trôi; chiều rộng $B_c=8,0\text{m}$.

a) Kết cấu phần trên: Gồm 04 nhịp dầm giản đơn bằng BTCT DUL 40Mpa kéo sau, tiết diện chữ I, chiều dài dầm $L=33\text{m}$, chiều cao dầm 1,65m; mặt cắt ngang gồm 04 phiến dầm; liên kết các dầm dọc bằng 05 dầm ngang, bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng BTCT 30Mpa, dày $\geq 20\text{cm}$; độ dốc ngang mặt cầu 2% được tạo bằng thay đổi chiều cao tường thân mố, trụ; phòng nước dạng dung dịch; gờ cầu bằng cao su cốt bản thép; khe co giãn đặt tại các vị trí mố cầu bằng thép dạng răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc kết hợp ống nhựa; gờ chân lan can bằng BTCT; lan can bằng thép mạ kẽm

b) Kết cấu phần dưới

- Mố cầu: mố M1 có cấu tạo dạng mố nhẹ, mố M2 dạng chữ U kiểu tường bằng BTCT 30Mpa; bệ mố đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi $D1,0\text{m}$ bằng BTCT 30Mpa.

- Trụ cầu: gồm T1, T2, T3 có cấu tạo như nhau, dạng trụ đặc thân hẹp

bằng BTCT 30Mpa; bệ trụ đặt trên hệ 05 móng cọc khoan nhồi D1,0m bằng BTCT 30Mpa.

- Gia cố tứ nón đầu cầu bằng bê tông M200 dày 15cm; chân khay bằng bê tông M150, bố trí bậc lên xuống ở mái taluy.

c) Biện pháp tổ chức thi công: Làm đường công vụ để vận chuyển máy móc, thiết bị, vật tư vật liệu thi công móng trụ; lắp đặt trạm biến áp phục vụ khoan cọc nhồi, đúc đầm, căng kéo cáp dự ứng lực, lao lắp đầm. Thi công móng bằng biện pháp đắp lán, thanh thải lòng sông sau khi hoàn thành.

7.2. Phần đường

a) Bình đồ tuyến: Tuyến cơ bản theo đường hiện trạng; điểm đầu Km0 giao với đường giao thông từ QL.217 đi mốc H5 tại Km5+800 thuộc bản Hậu, xã Tam Lư; điểm cuối Km0+648,96 nối tiếp với đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh hiện trạng thuộc bản Muống, xã Tam Lư. Tổng số có 10 đường cong nằm, bán kính đường cong nhỏ nhất $R_{\min}=30m$.

b) Mặt cắt dọc tuyến: Cao độ thiết kế trên cơ sở cao độ đường cũ, điểm đầu, điểm cuối và cao độ mặt cầu. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=8,39\%$.

c) Mặt cắt ngang: Chiều rộng nền đường $B_n=6,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=5,0m$; chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,5=1,0m$; độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=2\%$, lề đường $i_l=4\%$. Đường hai bên đầu cầu phía sau đuôi móng được mở rộng $B_n=9,0m$; $B_m=7,0m$; $B_l=2 \times 1,0=2,0m$. Gia cố lề mở rộng mặt đường đến mép rãnh ở các đoạn tuyến xây dựng rãnh dọc bằng BTXM và BTCT.

d) Kết cấu áo đường: Mặt đường bằng BTXM dày 22cm; móng đường bằng đá dăm nước dày 15cm.

e) Nền đường: Nền đắp, đắp bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào đất, đá (1/1 - 1/0,5).

g) Công trình thoát nước

- Thoát nước mặt: bằng chảy tỏa và rãnh dọc; đoạn qua khu vực dân cư bố trí rãnh bằng BTXM.

- Thoát nước ngang: sử dụng các công trình cũ còn tốt được thiết kế cải tạo và bổ sung công trình mới. Kết cấu cống bằng BTXM và BTCT.

h) Nút giao: Hai bên đầu cầu sau đuôi móng có 02 nút giao tại Km0+00 và Km0+178,26; bán kính các nhánh rẽ được mở rộng mặt đường đảm bảo tầm nhìn. Kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao như kết cấu phần tuyến. Tổ chức giao thông bằng biển báo, sơn vạch gờ giảm tốc.

- Ngã ba Km0+00- giao với đường giao thông từ QL.217 đi mốc H5 tại Km5+800. Nhánh hướng từ đường giao thông từ QL.217 đi mốc H5 rẽ vào cầu thiết kế cải tạo lại bình đồ tuyến, điều chỉnh giảm độ dốc dọc và mở rộng nền $B_n=6,5m$, mặt đường $B_m=5,5m$, đảm bảo chiều rộng mặt đường tránh xe ngược chiều trước khi vào/ra nút giao tại vị trí đầu cầu; sau đuôi móng M1 mở rộng nền $B_n=9m$, mặt đường $B_m=7m$ để tách nhập làn đường khi ra/vào cầu.

- Ngã ba Km0+178,26 - giao với đường giao thông từ xã Tam Lư đi xã Tam Thanh. Các hướng rẽ từ cầu ra đường Tam Lư - Tam Thanh phía phải đi bản Khảm, bản Ngâm, phía trái đi xã Sơn Hà được mở rộng nền $B_n=9m$, mặt đường $B_m=7m$ để tách nhập làn đường khi đi vào/ra nút giao tại vị trí đầu cầu.

i) Hệ thống an toàn giao thông: bố trí vạch sơn gờ giảm tốc, cọc tiêu, biển báo và hàng rào tôn sóng hai bên đầu cầu tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

7.3. Cầu treo Tam Lư

Sau khi xây dựng xong cầu bản Hậu, Chủ đầu tư và UBND huyện Quan Sơn có trách nhiệm báo cáo cấp thẩm quyền quyết định về phương án xử lý đối với cầu treo Tam Lư đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 0,95ha (trong đó phạm vi đường cũ đang khai thác khoảng 0,56ha).

9. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Nhóm C, công trình giao thông, cấp III, tuổi thọ công trình theo quy định.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 3727/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/6/2023 của Sở Giao thông vận tải.

11. Tổng mức đầu tư: 46.780.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	800.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	35.518.431.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	792.305.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.915.040.000 đồng;
- Chi phí khác:	1.038.128.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	5.716.096.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2026.

14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của

Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Quan Sơn làm Chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 3727/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/6/2023.

- UBND huyện Quan Sơn tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự án: Cầu cứng bản Hạng, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)
I	Chi phí bồi thường GPMB	Khái toán chi tiết	800.000.000
II	Chi phí xây dựng	Dự toán chi tiết	35.518.431.000
1	Phần cầu		28.698.066.000
2	Phần đường hai đầu cầu		6.363.478.000
3	Tháo dỡ cầu treo, vận chuyển vật liệu, tập kết về kho để quản lý (nếu thực hiện)	Tạm khái toán	456.887.000
III	Chi phí quản lý dự án	2,454% x 32.289.482.727	792.305.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		2.915.040.000
1	Khảo sát, lập Báo cáo NCKT	QĐ số 135/QĐ-QLDA ngày 28/3/2023	700.014.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát, lập BC NCKT	QĐ số 259/QĐ-QLDA ngày 19/12/2022	12.951.000
3	Giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT		19.336.000
4	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	Tạm khái toán	150.000.000
5	Khảo sát bước thiết kế BVTC		339.180.000
6	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	3,00% x 308.345.455	9.250.000
7	Giám sát khảo sát xây dựng bước BVTC	4,072% x1,1x 308.345.455	13.811.000
8	Lập thiết kế BVTC	1,288% x1,1x 32.289.482.727	457.502.000
9	Thẩm tra thiết kế BVTC	0,133% x1,1x 32.289.482.727	47.265.000
10	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	0,127% x1,1x 32.289.482.727	45.198.000
11	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn khảo sát, lập BCNCKT	QĐ số 259/QĐ-QLDA ngày 19/12/2022	5.752.000
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công	0,202% x1,1x 32.289.482.727	72.004.000
13	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	0,716% x1,1x 1.855.627.000	14.621.000
14	Giám sát thi công xây dựng	2,559% x1,1x 32.289.482.727	908.945.000
15	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công	0,10% x 35.685.907.000	35.686.000
16	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT các gói thầu tư vấn	0,10% x 1.855.627.000	2.000.000
17	Khảo sát, lập phương án RPBM	4,00% x1,1x 145.454.545	6.400.000
18	Giám sát công tác RPBM	3,203% x1,1x 145.454.545	5.125.000
19	Đăng ký bảo vệ môi trường	Khái toán theo dự án đã duyệt	70.000.000
V	Chi phí khác		1.038.128.000
1	Bảo hiểm công trình	0,29% x1,1x 32.289.482.727	103.003.000
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,308% x0.5x 41.063.904.000	63.332.000
3	Kiểm toán công trình quyết toán	0,494% x1,1x 41.063.904.000	222.944.000
3	Thẩm định Báo cáo NCKT	0,015% x 46.780.000.000	7.138.000

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)
4	Phí thẩm định thiết kế BVTC	0,027% x 32.289.482.727	8.788.000
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,026% x 32.289.482.727	8.450.000
6	Rà phá bom mìn (phạm vi thi công cầu)	Tạm tính 4ha x 40tr/ha	160.000.000
7	Đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công	Tạm khái toán	64.473.000
8	Chi phí khác		
-	Xây dựng trạm biến áp	Tạm khái toán	250.000.000
-	Xây dựng nền móng trạm trộn BTXM		150.000.000
VI	Chi phí dự phòng		5.716.096.000
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	10,0% x 41.063.904.000	4.106.390.000
2	Dự phòng trượt giá	3,9% x 41.063.904.000	1.609.706.000
	Tổng mức đầu tư	(I+II+III+IV+V+VI)	46.780.000.000